

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS -ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2018
“V/v Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HOÀ VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Hoàng – là Thư Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16.8.2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/ 2018/TLST- DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐST-DS ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc G, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số nhà 32 đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đ. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn C – sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ 3, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. (vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28.02.2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Tạ Ngọc G trình bày:

Ngày 18.9.2011 ông Nguyễn C có ký hợp đồng thuê của tôi 01 máy xúc hiệu Kato để xúc vật liệu xây dựng cát sỏi, san lấp mặt bằng tại công trình thủy điện Sông Gianh 2 huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam. Thời gian thuê là 02 tháng kể từ ngày 19.9.2011 đến hết ngày 20.11.2011, hình thức thuê là tính theo ca máy, giá ca máy là 3.500.000đồng/ca. Đến ngày 05.11.2011, ông C trả lại máy xúc và yêu cầu thanh lý hợp đồng, sau khi trả cho tôi số tiền 61.260.000đồng, ông C còn nợ lại tôi số tiền 51.240.000đồng bao gồm tiền thuê máy và tiền kéo máy từ Trà

My về Đà Nẵng, hai bên đã ký xác nhận số tiền còn nợ trong biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy xúc ngày 05.11.2011. Sau đó nhiều lần tôi yêu cầu ông C trả số tiền còn nợ cho tôi nhưng ông C hứa hẹn nhiều lần, chây ỳ không chịu trả. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn C trả cho tôi số tiền 51.240.000đ (Năm mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), tôi yêu cầu ông C trả dứt điểm 01 lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 24.7.2018, bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

Tôi xác nhận ngày 18.9.2011 tôi có thuê máy xúc của ông Tạ Ngọc G, sau khi thanh lý hợp đồng tôi còn nợ ông Tạ Ngọc G số tiền 51.240.000đ (Năm mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, hiện tại kinh tế gia đình khó khăn nên tôi chưa trả được nợ cho ông G. Nay ông G yêu cầu tôi trả số tiền 51.240.000đ thì tôi xin ông G bớt cho tôi trả số tiền 35.000.000đ, số tiền còn lại là 16.240.000đ tôi xin trả vào ngày 10.8.2018.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm : Hợp đồng cho thuê máy xúc (bản photo và bản gốc); biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy xúc (bản photo và bản gốc); Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản photo); Phiếu gửi hồ sơ khởi kiện cho ông Nguyễn C; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bị đơn ông Nguyễn C được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Ngày 18.9.2011 ông Nguyễn C có ký hợp đồng thuê của ông Tạ Ngọc G 01 máy xúc hiệu Kato để xúc vật liệu xây dựng cát sỏi, san lấp mặt bằng tại công trình thủy điện Sông Gianh 2 huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam. Thời gian thuê là 02 tháng kể từ ngày 19.9.2011 đến hết ngày 20.11.2011, hình thức thuê là tính theo ca máy, giá ca máy là 3.500.000đồng/ca. Đến ngày 05.11.2011, ông C trả lại máy xúc và yêu cầu thanh lý hợp đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy xúc ngày 05.11.2011 thì ông Nguyễn C còn nợ ông Tạ Ngọc G số tiền 51.240.000đồng (bao gồm tiền thuê máy và tiền kéo máy từ Trà My về Đà Nẵng), mặc dù ông G đã nhiều lần hỏi thúc ông C trả nợ nhưng đến nay ông C vẫn chưa trả. Quá trình giải quyết vụ án ông C yêu cầu ông G bớt cho ông số tiền 35.000.000đồng và hẹn trả số tiền còn lại là 16.240.000đồng vào ngày 10/8/2018 nhưng ông C vẫn không thực hiện cam kết trả nợ và ông G cũng không đồng ý bớt tiền số tiền 35.000.000đồng cho ông C. Việc ông Nguyễn C không trả số tiền

thuê máy xúc và tiền kéo máy từ Trà My về Đà Nẵng theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 05.11.2011 là vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê, do đó ông Tạ Ngọc G khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn C trả số tiền 51.240.000đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận và căn cứ Điều 280, Điều 481 của Bộ luật Dân sự buộc ông Nguyễn C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Tạ Ngọc G số tiền 51.240.000đ (Năm mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông G không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn C phải chịu theo qui định của pháp luật là 2.562.000đ (Hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) (51.240.000đồng x 5% = 2.562.000đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 481 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Ngọc G đối với ông Nguyễn C về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền”.

Xử:

1. Buộc ông Nguyễn C phải trả cho ông Tạ Ngọc G số tiền 51.240.000đ (Năm mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn C phải chịu theo qui định của pháp luật là 2.562.000đ (Hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Tạ Ngọc G số tiền tạm ứng án phí 1.281.000đ (Một triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 6321 ngày 19.3.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 16.8.2018. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người TGT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

